

HỌC THUYẾT SỬ DỤNG HỢP LÝ (FAIR USE) TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN TÁC GIẢ TẠI HOA KỲ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Phạm Minh Huyền¹

Email: huyenphamlaw@gmail.com, ORCID: 0009-0002-2711-756X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 08/01/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/01/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1116

Tóm tắt: Được hình thành từ án lệ của tòa án Hoa Kỳ, học thuyết “fair use” - sử dụng hợp lý ngày càng được thừa nhận rộng rãi thông qua tính hiệu quả trong thực tiễn áp dụng khi đánh giá các hành vi sử dụng hợp lý các tác phẩm được bảo hộ bản quyền mà không phải xin phép, không phải trả tiền tại Hoa Kỳ. Bài viết phân tích bốn điều kiện để tòa án xác định một hành vi sử dụng tác phẩm được coi là hợp lý, thực tiễn áp dụng học thuyết khi giải quyết tranh chấp quyền tác giả tại Hoa Kỳ, đánh giá ưu điểm, hạn chế của học thuyết và đưa ra đề xuất cho Việt Nam.

Từ khóa: Hoa Kỳ, sử dụng hợp lý, tranh chấp quyền tác giả

I. Đặt vấn đề

Để có thể tồn tại và phát triển, bất kỳ hệ thống pháp luật nào về quyền tác giả (QTG) cũng cần duy trì sự cân bằng giữa việc một mặt trao các độc quyền cho chủ sở hữu nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế tương xứng với chi phí, công sức đầu tư cho việc sáng tạo, thúc đẩy đổi mới trong tương lai và mặt khác cần phổ biến rộng rãi tri thức, tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận tri thức khoa học, thưởng thức các giá trị văn hóa và vận dụng các thành quả đó vào quá trình phát triển mọi mặt của đời sống. Do vậy, thách thức đặt ra trong hệ thống pháp luật là thiết lập một cơ chế tối ưu để cân bằng giữa quyền lợi của các chủ thể sáng

tạo và lợi ích chính đáng của công chúng. Các quyền tài sản trao cho chủ sở hữu QTG nếu bị lạm dụng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng về lâu dài đối với sự phát triển của kinh tế, xã hội cũng như cho chính quá trình thúc đẩy sáng tạo và đổi mới bởi nó hạn chế cơ hội tiếp cận của công chúng, cản trở việc tiếp tục sáng tạo của các chủ thể khác cũng như kìm hãm các giao dịch dân sự lành mạnh. Vì vậy, học thuyết sử dụng hợp lý ra đời là cơ sở để giải quyết vấn đề cân bằng lợi ích trong bảo hộ QTG tại Hoa Kỳ, đảm bảo rằng các quy định về bảo hộ QTG hoàn thành sứ mệnh quan trọng nhất là thúc đẩy các lợi ích thiết yếu của công chúng. Nó được xem như là một vấn đề thiết yếu, hiện

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

nhiên và không thể thiếu trong chính sách bảo hộ QTG của quốc gia để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của mỗi quốc gia trong quá trình phát triển.

II. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở nền tảng của học thuyết sử dụng hợp lý là việc áp dụng nguyên tắc về cân bằng lợi ích của chủ thể sáng tạo và lợi ích của công chúng. Về bản chất, nguyên tắc cân bằng lợi ích thể hiện sự dung hòa, điều chỉnh quyền lợi giữa các bên - “*sự cân bằng dựa trên sự đánh đổi một lợi ích tương đương*” (Trần, 2024, tr.21) nhằm đảm bảo điều kiện cho sự tồn tại, phát triển của các chủ thể, thúc đẩy tiến bộ văn học, nghệ thuật và khoa học. Bên cạnh đó, học thuyết còn được hình thành trên cơ sở bảo đảm các quyền cơ bản được ghi nhận trong các văn bản pháp lý quốc tế và Hiến pháp hay các quy định khác trong pháp luật quốc gia như quyền tự do ngôn luận và biểu đạt (Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013, Điều 25), quyền tiếp cận thông tin (Hiến pháp Việt Nam, 2013, Điều 25), quyền được học tập, nghiên cứu khoa học, công nghệ của cá nhân (Hiến pháp Việt Nam, 2013, Điều 39 & 40). Ngoài ra, dưới lăng kính của trường phái kinh tế học pháp luật, lý thuyết thất bại thị trường nổi lên như một trụ cột lý luận vững chắc cho sự tồn tại của sử dụng hợp lý. Theo đó, “fair use” là một giải pháp điều tiết kinh tế nhằm khôi phục tính hiệu quả phân bổ nguồn lực khi cơ chế giá cả của thị trường bị tê liệt.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, bao gồm phương

pháp diễn giải, phân tích, bình luận để làm rõ bốn yếu tố của học thuyết sử dụng hợp lý, việc áp dụng học thuyết trong thực tiễn, chỉ ra ưu điểm và hạn chế của học thuyết; phương pháp thống kê nhằm minh chứng số lượng quốc gia áp dụng học thuyết, số lượng vụ việc được áp dụng học thuyết tại Hoa Kỳ; phương pháp so sánh nhằm đối chiếu quy định của Hoa Kỳ và pháp luật Việt Nam về các trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trong những năm gần đây, học thuyết sử dụng hợp lý ngày càng được các tòa án Hoa Kỳ viện dẫn và công nhận rộng rãi khi xem xét các hành vi sử dụng tác phẩm hợp lý. Theo thống kê từ Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ, từ năm 1841 đến năm 2025, đã có 261 vụ việc điển hình (U.S. Copyright Office, n.d.) liên quan đến phán quyết về các trường hợp sử dụng hợp lý được đưa ra giải quyết tại các cơ quan tư pháp Hoa Kỳ. Trong đó, số lượng vụ việc ngày càng gia tăng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, ứng dụng phần mềm và Internet, cụ thể là từ năm 1841-1999 có 86 vụ việc; từ năm 2000-2010 có 49 vụ việc; từ năm 2011-2019 có 78 vụ việc trong khi từ năm 2020-2025 đã có 48 vụ việc. Từ thực tiễn giải quyết các tranh chấp bản quyền, bốn yếu tố sau thường được tòa án Hoa Kỳ vận dụng làm tiêu chí đánh giá một hành vi sử dụng là hợp lý hay không²:

(1) **Mục đích và đặc trưng của việc sử dụng:** Khi xem xét tiêu chí này, các thẩm phán thường dựa trên một số khía

² Theo cách hiểu của người Mỹ, “shall include” không giới hạn các điều kiện bắt buộc phải nằm trong điều luật khi ghi nhận các điều kiện theo sau là danh sách “mở” (open-ended list), do đó khi áp dụng phép thử “fair use”, Tòa án có thể áp dụng các điều kiện khác.

canh sau: *Thứ nhất*, cần đánh giá việc sử dụng tác phẩm có nhằm mục đích thương mại hay không. Nếu việc sử dụng tác phẩm nhằm phục vụ cho các mục đích phi lợi nhuận như nghiên cứu khoa học, học tập, bình luận thường được coi là hợp lý; trong khi đó, việc sử dụng tác phẩm nhằm mục đích thu lợi nhuận, sinh lời như khai thác trên nền tảng có doanh thu, sử dụng trong quảng cáo, tiếp thị, phục vụ hoạt động kinh doanh, đặc biệt là thay thế thị trường gốc của tác phẩm thì không được coi là sử dụng hợp lý. *Thứ hai*, cần đánh giá việc sử dụng tác phẩm có mang tính chất chuyển hóa (transformative use) hay không. Điều này được hiểu là tác phẩm gốc có được biến đổi bằng cách bổ sung thêm cách hiểu, cách diễn giải hoặc hình thức thể hiện mới, với điều kiện sự biến đổi đó tạo ra thông tin, tri thức mới, phương thức biểu đạt, giá trị thẩm mỹ mới làm phát sinh giá trị sáng tạo khác biệt so với nguyên bản. Trong vụ án Campbell v. Acuff-Rose Music, Inc. (1994). 510 U.S. 569, việc xác định sử dụng hợp lý tác phẩm được đánh giá dựa trên việc tác phẩm mới có “*thêm cái gì đó mới, với mục đích sâu xa hơn hoặc đặc điểm khác, thay đổi tác phẩm gốc với cách thể hiện, ý nghĩa hoặc thông điệp mới*”. Một số ví dụ về sử dụng mang tính chuyển hóa được cho là hợp lý vì làm gia tăng giá trị xã hội của tác phẩm, thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật và khoa học như trích dẫn tác phẩm để bình luận; tóm lược một ý tưởng trong tác phẩm gốc nhằm bảo vệ hay phản biện quan điểm đó; làm bài nhại (parody).

(2) **Bản chất của tác phẩm được bảo hộ:** Tiêu chí này thường được đánh giá trên cơ sở giá trị nội tại của tác phẩm, các yếu tố cấu thành nên giá trị đó như tác phẩm dựa trên sự kiện có thật hay mang tính hư cấu, mức độ sáng tạo thể

hiện trong nội dung và tình trạng công bố của tác phẩm tại thời điểm được sử dụng. Theo thực tiễn xét xử tại Hoa Kỳ, những yếu tố cốt lõi một tác phẩm được bảo hộ bao gồm: tính sáng tạo, tính tương tượng và tính nguyên gốc (MCA, Inc. v. Wilson, 1981). Do vậy, việc khai thác tác phẩm có hàm lượng chất xám hoặc mang tính hư cấu cao thường ít được thừa nhận là sử dụng hợp lý hơn so với các tác phẩm dựa trên những sự kiện có thật. Tương tự, việc sử dụng các tác phẩm chưa được công bố cũng khó được coi là hợp lý. Bên cạnh đó, thẩm phán còn có thể tính đến các yếu tố bổ trợ khác như giá trị thông tin do hành vi sử dụng tạo ra, tỷ lệ định lượng phần nội dung được khai thác, mức độ phổ biến của tác phẩm được bảo hộ trong công chúng.

(3) **Số lượng và tầm quan trọng của phần được sử dụng:** Trong yếu tố này, phương diện cần được đặc biệt lưu ý là giá trị định tính của phần tác phẩm được sử dụng mà không đơn thuần là số lượng nội dung được khai thác. Nhìn chung, dù phạm vi sử dụng lớn hay nhỏ, hành vi đó vẫn có thể bị coi là không hợp lý nếu phần được sử dụng mang tính đặc trưng nhận diện và thể hiện dấu ấn sáng tạo cốt lõi của tác giả. Trong vụ Harper & Row, Tòa xem việc trích dẫn chỉ chiếm 3,8% (Patterson, 1998) số trang trên tổng số 6763 trang từ hồi ký chưa công bố nhưng những trích đoạn đó là “*trung tâm/trọng tâm của quyển sách*” (Harper & Row v. Nation Enterprises, 1985). Trong vụ Campbell, Tòa ghi chú rằng phạm vi cho phép sao chép phụ thuộc vào mục đích và đặc điểm của việc sử dụng. Ví dụ, nếu việc sử dụng là làm bài nhại thì phải có sự sao chép cần thiết từ tác phẩm gốc để có thể xác định đây là bài nhại. Hơn nữa, trọng tâm của tác phẩm gốc trong nhiều vụ án vừa là cơ sở để xác định tác phẩm gốc, vừa là trọng

tâm của bài nhại. Trong một số trường hợp, người sử dụng có sao chép toàn bộ tác phẩm nhưng tòa án vẫn xác định việc sử dụng là hợp lý. Có thể kể đến một vài ví dụ như sao in lại tấm áp phích của buổi biểu diễn nhạc rock (Graham Archives v. Dorling Kindersley Ltd., n.d.), định thời các chương trình vô tuyến (Sony Corp. of America v. Universal City Studios, Inc., 1984).

(4) ***Ảnh hưởng của việc sử dụng đối với thị trường tiềm năng hoặc đối với giá trị của tác phẩm được bảo hộ.*** Đây là yếu tố gắn với khả năng khai thác thương mại tác phẩm, bao gồm việc tạo sản phẩm phái sinh, phân phối và kinh doanh. Trong vụ Sony v. Universal Studios, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ ủng hộ quan điểm việc sử dụng được coi là hợp lý khi không có bằng chứng về thiệt hại đáng kể đối với việc khai thác tác phẩm. Quan điểm này tiếp tục được ủng hộ bởi phán quyết trong vụ Harper & Row, theo đó Tòa án Tối cao xác định yếu tố thứ tư là “*yếu tố đơn quan trọng nhất của sử dụng hợp lý*” (Harper & Row v. Nation Enterprises, 1985). Cách tiếp cận tập trung vào thị trường (hay kinh tế) này của Tòa án Tối cao đã trở thành khuôn mẫu khi phân tích việc sử dụng hợp lý trong thế kỷ tiếp đó, với câu hỏi về sự phương hại thị trường, hay còn được gọi là cách tiếp cận “*thất bại thị trường*” (market failure). Cách tiếp cận dựa trên lý thuyết kinh tế được đưa ra từ một bài viết của Gordon (1982). Bà cho rằng cách tiếp cận QTG dựa trên cơ sở thị trường có khả năng làm rõ và mang lại sự chắc chắn trong những vụ án về sử dụng hợp lý. Một ví dụ về trường hợp này được đưa ra là nếu việc ghi và xem/nghe tác phẩm tại thời điểm khác - time shifting (trong vụ Sony) không phải là hợp lý thì việc cấp phép sử dụng là cần thiết. Tuy nhiên, chi

phí cho việc thương lượng và chấp thuận các điều khoản của giấy phép với mỗi máy ghi hình sẽ luôn vượt quá lợi nhuận thu về từ việc bán những chiếc máy này; do đó, một thị trường dành riêng cho cấp phép việc ghi và xem/nghe tác phẩm tại thời điểm khác sẽ thất bại và vì vậy tình huống đó được coi là hợp lý (Lunney, 2002).

Các Thẩm phán khi xem xét các vụ việc nên đánh giá ở mức tối thiểu là thỏa mãn bốn yếu tố trên. Tuy nhiên, Quốc hội Hoa Kỳ không xác định yếu tố nào giữ vai trò quyết định, vì vậy thẩm phán phải đánh giá tính hợp lý của việc sử dụng dựa trên hoàn cảnh cụ thể của từng vụ việc, thông qua việc cân nhắc công bằng các yếu tố liên quan và xem xét tổng thể toàn bộ tình tiết. Ngoài ra, phần cuối của Điều luật được bổ sung vào năm 1992 có ghi nhận “*một tác phẩm chưa công bố về bản chất không ngăn cản việc đưa ra phán quyết xác định việc sử dụng là hợp lý nếu phán quyết này được đưa ra dựa trên việc xem xét tất cả các nhân tố kể trên*”.

Sự thể hiện của học thuyết trong Điều 107 Đạo luật Bản quyền Hoa Kỳ mang tính chất chỉ dẫn cho người áp dụng, các tòa án vẫn có sự tự do nhất định trong việc kết luận việc sử dụng hợp lý dựa trên các tình tiết của từng vụ việc, thể hiện sự linh hoạt mang đậm nét đặc trưng của các quốc gia theo hệ thống common law. Điều 107 chỉ là sự tái khẳng định học thuyết, không mang mục đích sửa đổi, thu hẹp hay mở rộng học thuyết ở bất kỳ hình thức nào vì sử dụng hợp lý là một quy tắc công bằng của lẽ phải nên không thể đưa ra định nghĩa để áp dụng cho mọi trường hợp. Các trường hợp sử dụng hợp lý được đúc rút qua những phán quyết của Tòa án. Qua đó có thể thấy học thuyết sử dụng hợp lý được vận dụng linh hoạt với phạm vi

áp dụng rất rộng, tùy từng trường hợp cụ thể, thậm chí có thể loại bỏ hoặc áp dụng các yếu tố khác khi đánh giá mà không bị bó buộc bởi các quy định của pháp luật bởi các tình tiết trong mỗi vụ việc lại có sự khác biệt, muôn hình vạn trạng nên không thể tiên đoán chính xác trước. Học thuyết này mặc dù có thể dẫn đến kết quả đánh giá không chắc chắn nhưng rất phù hợp trước xu thế bùng nổ của khoa học công nghệ, đáp ứng tốt các trường hợp đa dạng phát sinh trong thực tiễn, đồng thời tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy trao đổi thông tin, tri thức và khuyến khích sự sáng tạo. Nhờ tính linh hoạt trong xử lý các vấn đề phát sinh từ công nghệ mới, hành vi tiêu dùng và ứng dụng mới của các thiết bị và Internet; tăng cường tính ổn định của hệ thống pháp luật và khuyến khích sáng tạo, học thuyết sử dụng hợp lý đang được áp dụng rộng rãi tại các quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Hàn Quốc (Framework Act on Intellectual Property of Republic of Korea, 2022, Article 2.2), Đài Loan (Taiwan Copyright Act, 2022, Article 65), Philippines (Intellectual Property Code of the Philippines, 1997, Article 185), Malaysia (Malaysia Copyright Act, 1987/2022, Article 13), đồng thời đang được xem xét áp dụng theo cách riêng tại Úc, Nam Phi, Ireland và Liên minh châu Âu (Sutton, 2016).

Tại Việt Nam, các hành vi sử dụng hợp lý tác phẩm hay còn gọi là các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG được quy định khá chi tiết, cụ thể tại khoản 1 Điều 25, Điều 25a Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 và 2025 theo từng nhóm hành vi, đối tượng sử dụng, loại hình được sử dụng và mục đích sử dụng. Theo đó, pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ cho phép áp dụng

ngoại lệ trong phạm vi danh mục được liệt kê do nhà làm luật dự liệu mà không có điều khoản mở cho các trường hợp khác. Cách quy định này đảm bảo tính chặt chẽ, cụ thể, rõ ràng, nhất quán và tránh sự tùy tiện của các chủ thể khi áp dụng pháp luật. Điều này xuất phát từ ảnh hưởng của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa và yêu cầu tuân thủ phép thử ba bước nhằm đảm bảo thực thi các cam kết trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là yếu tố thứ nhất trong phép thử yêu cầu ngoại lệ phải được xác định trong những trường hợp đặc biệt nhất định (Công ước Berne, 1971, Điều 9.2; Hiệp ước của WCT, 1996, Điều 10; Hiệp định TRIPs, 1994, Điều 13; Hiệp định CPTPP, 2018, Điều 18.65; & Hiệp định EVFTA, 2019, Điều 12.14). Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật phát triển không ngừng, việc liệt kê đóng các trường hợp sử dụng được phép có thể chưa bao quát và dự liệu được hết các tình huống trong thực tiễn, dẫn đến sự cứng nhắc trong quá trình áp dụng cũng như làm giảm tính ổn định của hệ thống pháp luật vì phải thường xuyên thay đổi để giải quyết các vấn đề mới.

V. Kết luận

Từ những lập luận và phân tích trên, tác giả đề xuất Luật SHTT cần bổ sung một quy định mở vào cuối khoản 1 Điều 25 về các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG là: “*Các trường hợp khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định*” bên cạnh việc liệt kê một danh sách đóng các ngoại lệ cụ thể. Trên cơ sở đó, văn bản hướng dẫn dưới luật cần bổ sung hướng dẫn chi tiết quy định trên dựa trên học thuyết sử dụng hợp lý như sau: “*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định các trường hợp ngoại lệ không xâm*

phạm QTG khác trên cơ sở đánh giá mục đích, tính chất của việc sử dụng; bản chất của đối tượng được bảo hộ; số lượng và thực chất của phần được sử dụng trong mối quan hệ với toàn bộ đối tượng được bảo hộ và tác động của việc sử dụng lên thị trường tiềm năng hoặc giá trị của đối tượng được bảo hộ QTG". Đây là nền tảng pháp lý quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền xác định, đưa ra phán quyết về các trường hợp sử dụng tác phẩm trên thực tế nhưng chưa được quy định trong văn bản pháp luật, khắc phục được những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, bảo đảm tính ổn định, linh hoạt của hệ thống pháp luật đồng thời thích ứng với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin. Vì vậy, các yếu tố của học thuyết sử dụng hợp lý được bổ sung vào quy định pháp luật Việt Nam hiện nay là cần thiết, phù hợp với xu hướng lập pháp đang được ghi nhận tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Lời cảm ơn: Bài báo được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Học thuyết Fair Use (Sử dụng hợp lý) để giải quyết tranh chấp bản quyền tại Hoa Kỳ trong kỹ thuật số và một số đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam” của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS), Apr. 15, 1994, Marrakesh Agreement Establishing the World Trade Organization, Annex 1C, 1869 U.N.T.S. 299.
- Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works, Sept. 9, 1886, as revised at Stockholm on July 14, 1967, 828 U.N.T.S. 221.
- Campbell v. Acuff-Rose Music, Inc.*, 510 U.S. 569 (1994). <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/510/569/>.
- Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP), Mar. 8, 2018, [2018] ATS 5.
- Framework Act on Intellectual Property of Republic of Korea (amended up to June 10, 2022). WIPO Lex. <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/588922>.
- Free Trade Agreement between the European Union and the Socialist Republic of Viet Nam (EVFTA), June 30, 2019, O.J. (L 186) 3.
- Gordon, W. J. (1982). Fair use as market failure: A structural and economic analysis of the Betamax case and its predecessors. *Columbia Law Review*, 82(8), 1600-1657. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3577724.
- Graham Archives v. Dorling Kindersley Ltd.* (n.d.). LexisNexis. <https://www.lexisnexis.com/community/casebrief/p/casebrief-graham-archives-v-dorling-kindersley-ltd>.
- Harper & Row v. Nation Enterprises*, 471 U.S. 539 (1985). <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/471/539/>.
- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nuoc-Cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-Viet-Nam-2013-215627.aspx>.
- Intellectual Property Code of the Philippines (1997). <https://www.officialgazette.gov.ph/1997/06/06/republic-act-no-8293/>.
- Luật Sở hữu trí tuệ (2005) (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022, 2025). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Lunney, G. S., Jr. (2002). Fair use and market failure: Sony revisited. *Texas A&M University School of Law Scholarship*. <https://scholarship.law.tamu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1503&context=facscholar>.
- Malaysia Copyright Act (1987) (amended in 2022). WIPO Lex. <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/583950>.

- MCA, Inc. v. Wilson*, 677 F.2d 180 (2d Cir. 1981). <https://casetext.com/case/mca-inc-v-wilson>.
- Patterson, L. R. (1998). Folsom v. Marsh and its legacy. *Journal of Intellectual Property Law*, 5(2), 431-452. http://digitalcommons.law.uga.edu/fac_artchop/351.
- Sony Corp. of America v. Universal City Studios, Inc.*, 464 U.S. 417 (1984). <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/464/417/>.
- Sutton, M. (2016, February). The murky waters of international copyright law. Electronic Frontier Foundation. <https://www.eff.org/vi/deeplinks/2016/02/murky-waters-international-copyright-law>.
- Taiwan Copyright Act (amended up to June 15, 2022). <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=J0070017>.
- Trần, L. H. (2024). *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*. Nhà xuất bản Tư pháp.
- U.S. Copyright Office. (n.d.). *Fair use index: Campbell v. Acuff-Rose Music, Inc.* <https://www.copyright.gov/fair-use/fair-index.html>.
- WIPO Copyright Treaty (WCT), Dec. 20, 1996, S. Treaty Doc. No. 105-17, 2186 U.N.T.S. 121.

FAIR USE DOCTRINE IN THE RESOLUTION OF COPYRIGHT DISPUTES IN THE UNITED STATES AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Pham Minh Huyen¹

Abstract: *Originating from U.S. judicial precedents, the “fair use” doctrine has gained growing and widespread recognition due to its proven effectiveness in practice in assessing fair uses of copyrighted works without requiring prior authorization or the payment of royalties in the United States. The article analyzes the four factors used by courts to determine whether a particular use of a work constitutes fair use, examines the practical application of the “fair use” doctrine in resolving copyright disputes in the United States, evaluates its advantages and limitations, and proposes recommendations for Vietnam.*

Keywords: *United States, fair use, copyright disputes*

¹ Hanoi Law University